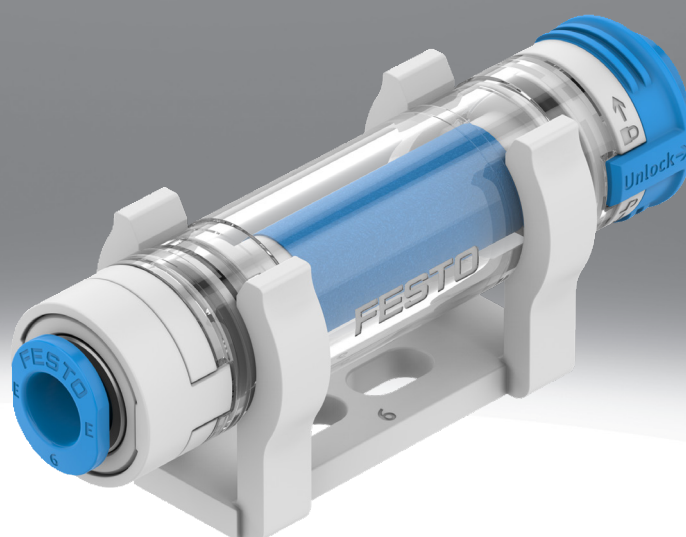


Bộ lọc trực tiếp OAFA

FESTO



Đặc trưng

Tổng quan

Bộ lọc nội tuyến được sử dụng để lọc các hạt bụi bẩn trong không khí trong vòi hút bằng hộp lọc. Hộp lọc được đặt trong một vỏ trong suốt để có thể nhìn thấy mức độ nhiễm bẩn của bộ lọc.

- Cũng có thể được sử dụng cho các ứng dụng pin theo tuân thủ F1A

Lưu ý: Không làm sạch vỏ bằng dung môi phân cực (ví dụ: cồn).

Biểu đồ

liên kết [oafa](#)



Các sơ đồ hiển thị trong tài liệu này cũng có sẵn trực tuyến. Ở đó nó có thể hiển thị các giá trị chính xác.

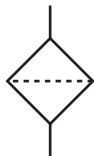
Mã mẫu

001	Dòng	
OAFA	Bộ lọc nội tuyến	
002	Thiết kế	
C	Nội tuyến	
003	Cổng nối chân không 1	
Q3	Đầu nối dạng cắm 3 mm	
Q4	Kết nối đầu cắm 4 mm	
Q6	Đầu nối dạng cắm 6 mm	
Q8	Đầu nối dạng cắm 8 mm	
Q10	Đầu nối dạng cắm 10 mm	

004	Cổng nối chân không 2	
E	Kích thước tương tự như cổng nối 1	
005	Thiết kế bộ lọc	
C	5 µm	
F	10 µm	
E	40 µm	

Bảng dữ liệu

Dữ liệu kỹ thuật chung



Chiều rộng định mức	3 mm	4 mm	6 mm	8 mm	10 mm
Cổng nối khí nén	đối với ống mềm bên ngoài Ø 3 mm	đối với ống mềm Ø ngoài 4 mm	đối với ống mềm bên ngoài Ø 6 mm	đối với ống mềm bên ngoài Ø 8 mm	đối với ống mềm Ø ngoài 10 mm
Độ mịn bộ lọc	5 µm, 10 µm, 40 µm				
Vị trí lắp đặt	bất kì				
Kiểu gắn	Lắp đặt đường dây				

Các điều kiện vận hành và môi trường

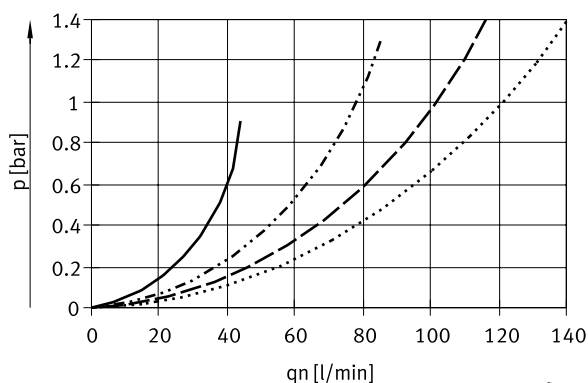
Áp suất vận hành	-0,1 ... 1 MPA
Áp suất vận hành	-1 ... 10 bar
Áp suất vận hành	-14,5 ... 145 psi
Môi chất vận hành	Khí
Nhiệt độ môi trường xung quanh	0 ... 60°C
Lớp chống ăn mòn KBK ¹⁾	1 - ứng suất ăn mòn thấp
Lưu ý áp dụng	Không nên vệ sinh vỏ máy bằng dung môi phân cực (như cồn).

1) Thông tin thêm www.festo.com/x/topic/kbk

Vật liệu

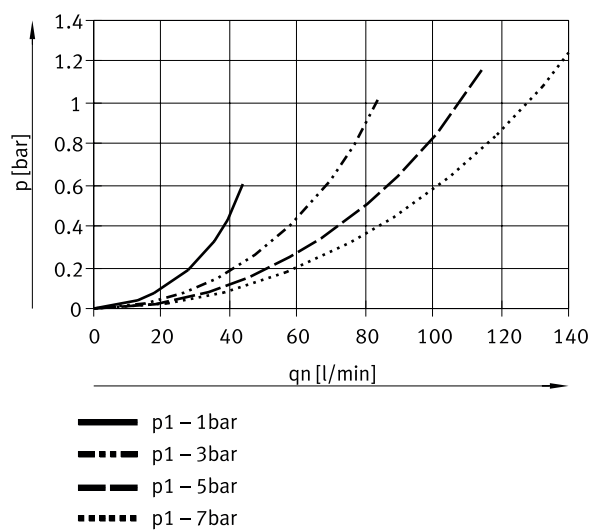
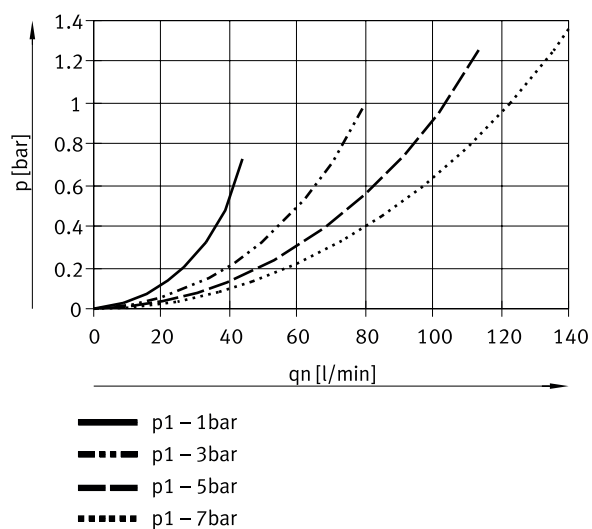
Vật liệu vỏ	PA
Vật liệu cửa phốt	HNBR
Vật liệu bộ lọc	PE
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Tuân thủ LABS	VDMA24364 Vùng III
Tính phù hợp để sản xuất pin Li-ion	Phù hợp cho sản xuất pin với giá trị Cu/Zn/Ni giảm (F1a)

Lưu lượng bình thường qn tùy thuộc vào chênh lệch áp suất Δp (OAFA-C-Q3-E-C)



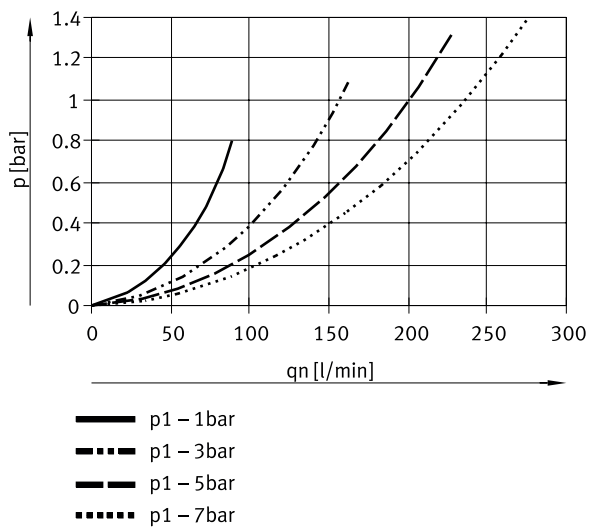
- p1 – 1bar
- - - p1 – 3bar
- . - p1 – 5bar
- p1 – 7bar

Bảng dữ liệu

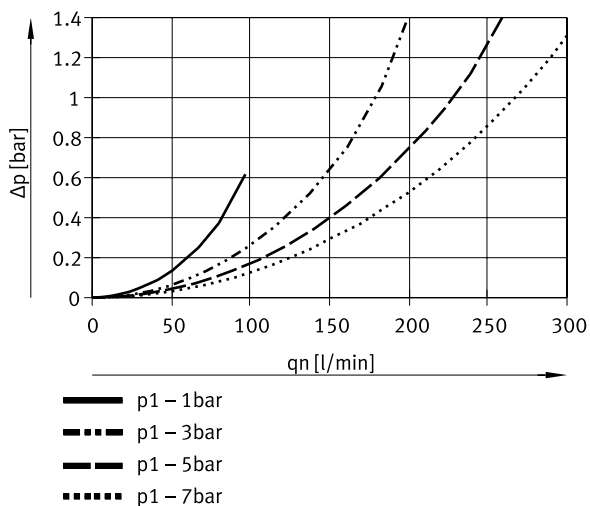
Lưu lượng bình thường q_n tùy thuộc vào chênh lệch áp suất Δp (OAFA-C-Q3-E-E)Lưu lượng bình thường q_n tùy thuộc vào chênh lệch áp suất Δp (OAFA-C-Q3-E-F)

Bảng dữ liệu

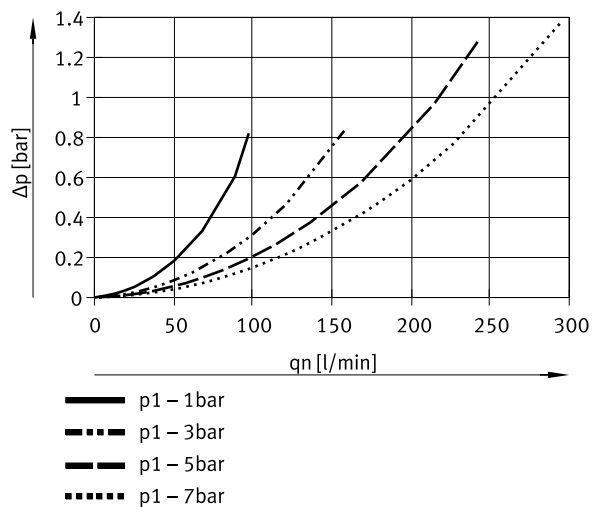
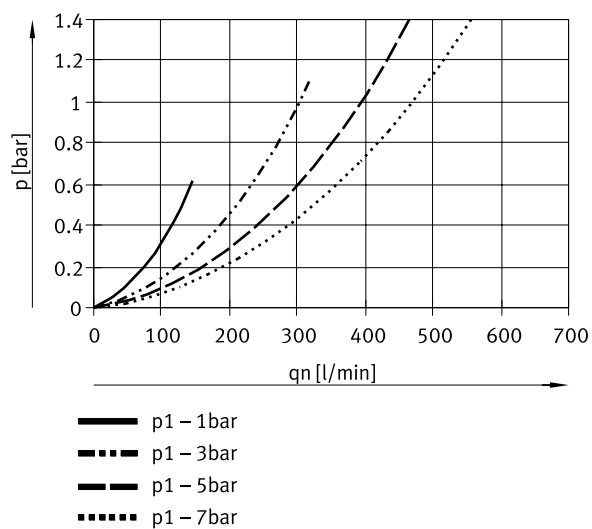
Lưu lượng bình thường q_n tùy thuộc vào chênh lệch áp suất Δp (OAFA-C-Q4-E-C)



Lưu lượng bình thường q_n tùy thuộc vào chênh lệch áp suất Δp (OAFA-C-Q4-E-E)

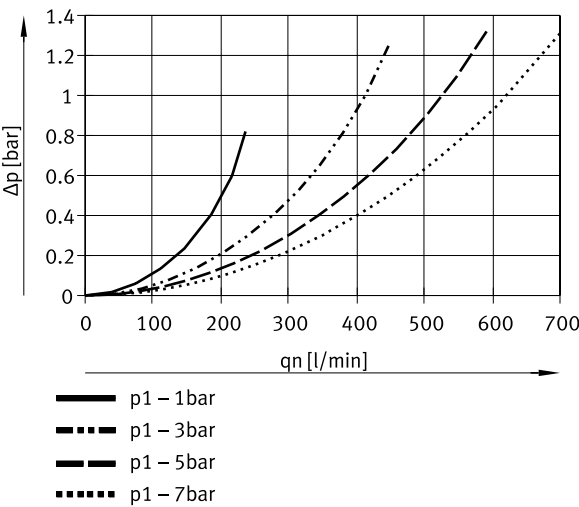


Bảng dữ liệu

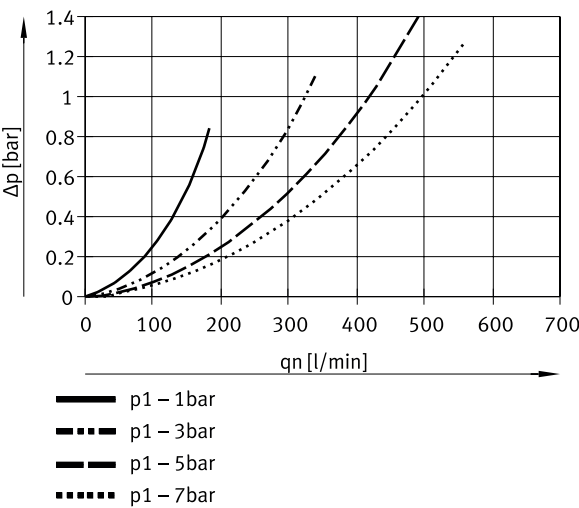
Lưu lượng bình thường q_n tùy thuộc vào chênh lệch áp suất Δp (OAFA-C-Q4-E-F)Lưu lượng bình thường q_n tùy thuộc vào chênh lệch áp suất Δp (OAFA-C-Q6-E-F)

Bảng dữ liệu

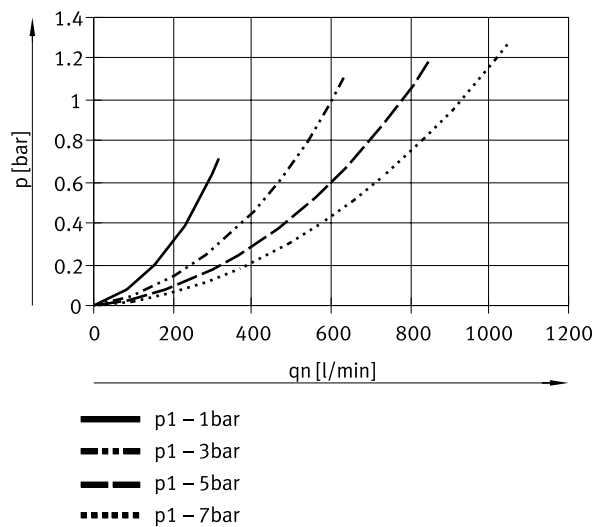
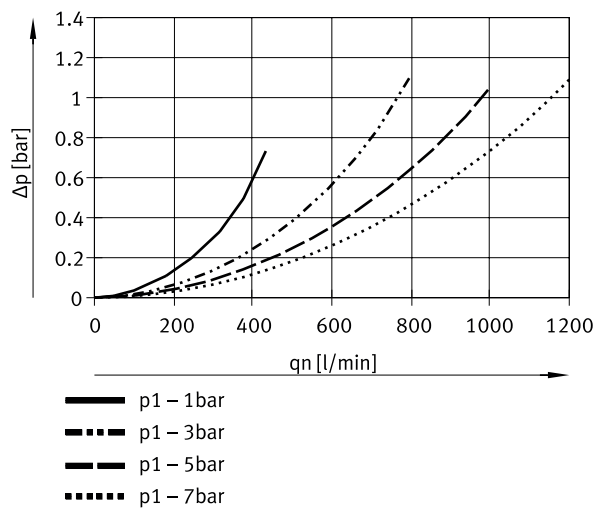
Lưu lượng bình thường q_n tùy thuộc vào chênh lệch áp suất Δp (OAFA-C-Q6-E-E)



Lưu lượng bình thường q_n tùy thuộc vào chênh lệch áp suất Δp (OAFA-C-Q6-E-F)

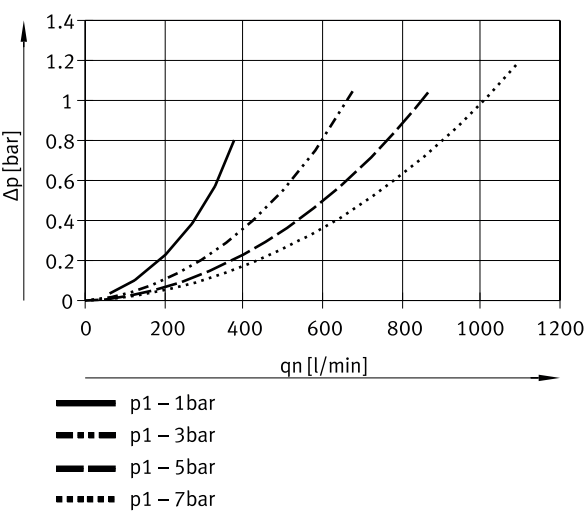


Bảng dữ liệu

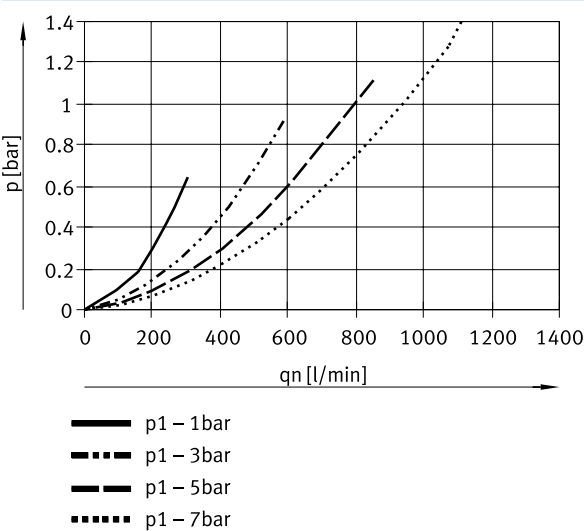
Lưu lượng bình thường q_n tùy thuộc vào chênh lệch áp suất Δp (OAFA-C-Q8-E-C)Lưu lượng bình thường q_n tùy thuộc vào chênh lệch áp suất Δp (OAFA-C-Q8-E-E)

Bảng dữ liệu

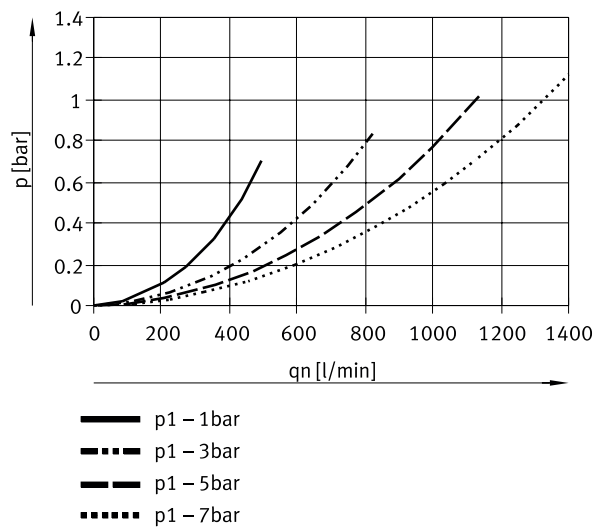
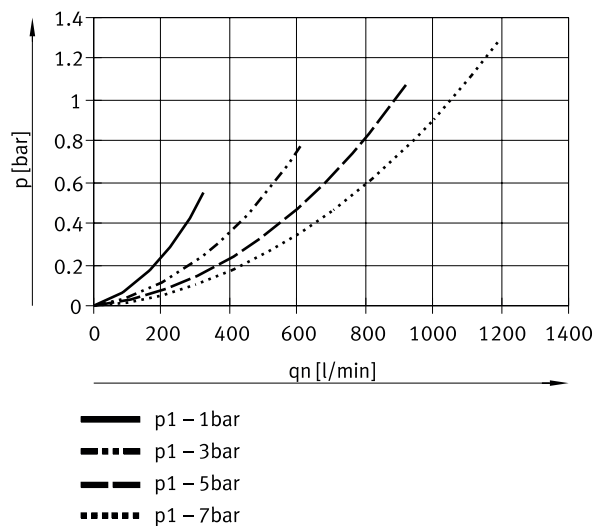
Lưu lượng bình thường qn tùy thuộc vào chênh lệch áp suất Δp (OAFA-C-Q8-E-F)



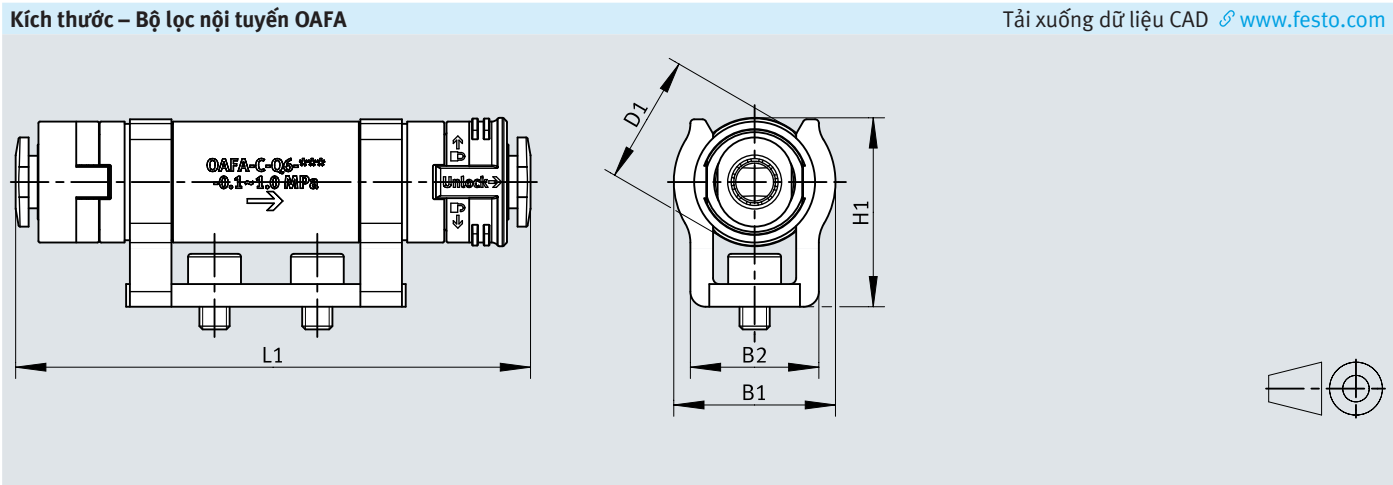
Lưu lượng bình thường qn tùy thuộc vào chênh lệch áp suất Δp (OAFA-C-Q10-E-C)



Bảng dữ liệu

Lưu lượng bình thường q_n tùy thuộc vào chênh lệch áp suất Δp (OAFA-C-Q10-E-E)Lưu lượng bình thường q_n tùy thuộc vào chênh lệch áp suất Δp (OAFA-C-Q10-E-F)

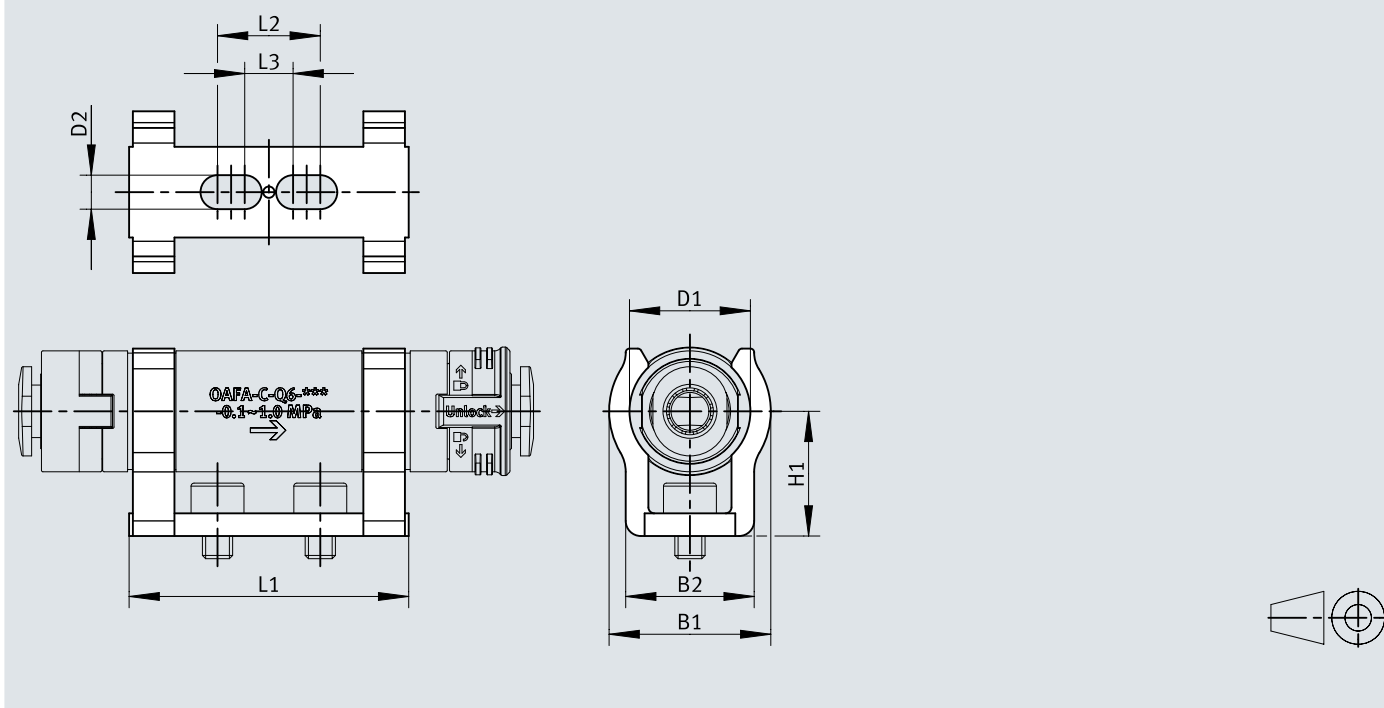
Kích thước



	B1	B2	D1 Ø	H1	L1
OAFA-C-Q3-E-C	14,7	11	12	17,5	60,2
OAFA-C-Q3-E-E					
OAFA-C-Q3-E-F					
OAFA-C-Q4-E-C	14,7	11	12	17,5	61,7
OAFA-C-Q4-E-E					
OAFA-C-Q4-E-F					
OAFA-C-Q6-E-C	21,4	17	17	25	68
OAFA-C-Q6-E-E					
OAFA-C-Q6-E-F					
OAFA-C-Q8-E-C	28	21	23,6	32,8	71,9
OAFA-C-Q8-E-E					
OAFA-C-Q8-E-F					
OAFA-C-Q10-E-C	28	21	23,6	32,8	87,5
OAFA-C-Q10-E-E					
OAFA-C-Q10-E-F					

Kích thước

Kích thước – Bật gá OAMM

Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com

	B1	B2	D1 Ø	D2	H1	L1	L2	L3
OAMM-A2-A-Q3Q4	14,7	11	10,7	3,2	11,5	32	25	23
OAMM-A2-A-Q6	14,7	11	15,4	4,5	16,5	37	13,6	6,4
OAMM-A2-A-Q8Q10	21,4	17	22	4,5	21	39	19,3	8,7

Thông tin đặt hàng

Thông tin đặt hàng – Bộ lọc chân không OAFA



Cổng nối khí nén	Chiều rộng định mức	Độ mịn bộ lọc	trọng lượng sản phẩm	Số bộ phận	Loại
đối với ống mềm bên ngoài Ø 3 mm	3 mm	5 µm	5,38 g	8212636	OAFA-C-Q3-E-C
		10 µm		8212634	OAFA-C-Q3-E-F
		40 µm		8234101	OAFA-C-Q3-E-E
đối với ống mềm Ø ngoài 4 mm	4 mm	5 µm	5,4 g	8212639	OAFA-C-Q4-E-C
		10 µm		8212637	OAFA-C-Q4-E-F
		40 µm		8212638	OAFA-C-Q4-E-E
đối với ống mềm bên ngoài Ø 6 mm	6 mm	5 µm	11 g	8212642	OAFA-C-Q6-E-C
		10 µm		8212640	OAFA-C-Q6-E-F
		40 µm		8212641	OAFA-C-Q6-E-E
đối với ống mềm bên ngoài Ø 8 mm	8 mm	5 µm	22,3 g	8212645	OAFA-C-Q8-E-C
		10 µm		8212643	OAFA-C-Q8-E-F
		40 µm		8212644	OAFA-C-Q8-E-E
đối với ống mềm Ø ngoài 10 mm	10 mm	5 µm	28 g	8212648	OAFA-C-Q10-E-C
		10 µm		8212646	OAFA-C-Q10-E-F
		40 µm		8234107	OAFA-C-Q10-E-E

Phụ kiện

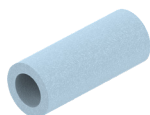
Bắt gá OAMM



Kiểu gá	Mô-men xoắn siết tối đa	Tính phù hợp để sản xuất pin Li-ion ¹⁾	trọng lượng sản phẩm	Số bộ phận	Loại
có lỗ xuyên cho vít M3	0,26 N m	Phù hợp cho sản xuất pin với giá trị Cu/Zn/Ni giảm (F1a)	1,36 g	8228731	OAMM-A2-A-Q3Q4
có lỗ xuyên cho vít M4	0,4 N m		3,7 g	8228730	OAMM-A2-A-Q6
			5,63 g	8228729	OAMM-A2-A-Q8Q10

1) www.festo.com/x/topic/bat

Lõi lọc OAFC (5 µm)



Độ mịn bộ lọc	Tính phù hợp để sản xuất pin Li-ion ¹⁾	trọng lượng sản phẩm	Kích cỡ gói	Số bộ phận	Loại
5 µm	Phù hợp cho sản xuất pin với giá trị Cu/Zn/Ni giảm (F1a)	0,93 g	5	8224528	OAFC-A2-Q3Q4-E-C
		3,25 g		8224531	OAFC-A2-Q6-E-C
		6,1 g		8224534	OAFC-A2-Q8Q10-E-C

1) www.festo.com/x/topic/bat

Lõi lọc OAFC (10 µm)



Độ mịn bộ lọc	Tính phù hợp để sản xuất pin Li-ion ¹⁾	trọng lượng sản phẩm	Kích cỡ gói	Số bộ phận	Loại
10 µm	Phù hợp cho sản xuất pin với giá trị Cu/Zn/Ni giảm (F1a)	0,93 g	5	8224526	OAFC-A2-Q3Q4-E-F
		3,25 g		8224529	OAFC-A2-Q6-E-F
		6,1 g		8224532	OAFC-A2-Q8Q10-E-F

1) www.festo.com/x/topic/bat

Lõi lọc OAFC (40 µm)



Độ mịn bộ lọc	Tính phù hợp để sản xuất pin Li-ion ¹⁾	trọng lượng sản phẩm	Kích cỡ gói	Số bộ phận	Loại
40 µm	Phù hợp cho sản xuất pin với giá trị Cu/Zn/Ni giảm (F1a)	0,93 g	5	8224527	OAFC-A2-Q3Q4-E-E
		3,25 g		8224530	OAFC-A2-Q6-E-E
		6,1 g		8224533	OAFC-A2-Q8Q10-E-E

1) www.festo.com/x/topic/bat